

Số: 120 /CV-DLG

Gia Lai, ngày 14 tháng 9 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- BCTC riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2021;
- BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2021;
- Công văn số 119/2021/CV-DLGL ngày 14/9/2021 về việc giải trình liên quan BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/9/2021 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRẦN CAO CHÂU

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 07
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	08 - 09
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	10 - 11
4. Báo cáo kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	14 - 51
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: DUC LONG GIA LAI GROUP JSC) được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 32 vào ngày 03 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán : DLG

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : +84 (026) 9374 8367

Fax : +84 (026) 9374 7366

Mã số thuế : 5 9 0 0 4 1 5 8 6 3

▪ Các chi nhánh

Tên các chi nhánh

- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai.

▪ Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100%	100%	85,00%	85,00%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
4.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Thôn 2, Xã Tân Lâm, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%
5.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
6.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%
7.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trồng cây cà phê, mua bán và sản xuất các sản phẩm cà phê	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
8.	Công ty CP Chè Biển Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng cây cà phê, mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

▪ **Các công ty liên kết**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su, Chi tiết: Gia công cao su mũ côm;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;

12/2021 ĐN HHL AN AI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021*

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Mua bán cao su mù côm; - Mua bán phân bón. - Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường - Bán buôn bê tông xi măng;
- Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay - Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phù công nghiệp - Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động quản lý quỹ, Chi tiết: Quản lý quỹ chung;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Sản xuất linh kiện điện tử, Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê, chè, hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	29/06/2019	
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/06/2019	
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/06/2019	10/05/2021
Ông Jaegyun Kim	Thành viên	23/06/2018	29/01/2021

4.2 Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên	20/06/2020	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	03/09/2019	
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	03/09/2019	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này là ông Trần Cao Châu – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 10 đến trang 52.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



TRẦN CAO CHÂU

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021



Số: 2329/21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 9 năm 2021, từ trang 10 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Các vấn đề nhấn mạnh

- Tại thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty giữa niên độ, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 1.941.473.018.014 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.
- Tại Thuyết minh số VII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 30/06/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.051.804.968.028) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 651.374.196.496 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.807.284.253.748 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành ngày 29 tháng 08 năm 2020. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với đoạn nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
- Ngoài ra, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán này, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ có vấn đề cần nhấn mạnh. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước được nêu tại đoạn “Vấn đề khác” đã được Công ty trình bày lại trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đính kèm. Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

312
ÔN
NHÌ
DÁN
JAI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.571.670.633.109	1.200.696.336.593
2	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5.772.033.241	5.609.663.982
111	1. Tiền		5.772.033.241	5.609.663.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.318.694.360.710	932.900.160.861
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	434.347.042.257	439.532.545.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	56.501.831.139	71.698.141.279
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	803.454.058.018	550.380.286.643
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	304.841.356.944	227.476.773.114
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(280.449.927.648)	(356.187.585.692)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	197.204.239.158	212.186.511.750
141	1. Hàng tồn kho		197.320.145.585	212.186.511.750
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(115.906.427)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.843.715.478.436	3.097.637.172.627
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.139.287.629.996	1.366.598.479.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	1.138.018.959.996	1.365.329.809.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
220	II. Tài sản cố định		365.897.554.874	374.698.249.135
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	365.888.461.659	374.684.774.204
222	- Nguyên giá		452.802.364.135	452.802.364.135
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(86.913.902.476)	(78.117.589.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	9.093.215	13.474.931
228	- Nguyên giá		399.336.795	399.336.795
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(390.243.580)	(385.861.864)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	119.608.776.793	122.267.356.873
231	- Nguyên giá		167.002.111.806	167.002.111.806
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.393.335.013)	(44.734.754.933)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		23.800.786.080	23.653.573.473
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	23.800.786.080	23.653.573.473
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	1.193.181.073.094	1.208.450.281.568
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.585.761.700.600	1.585.761.700.600
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.900.766.000	8.900.766.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		480.000.000	480.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(401.961.393.506)	(386.692.185.032)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.939.657.599	1.969.231.582
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	1.939.657.599	1.969.231.582
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.415.386.111.545	4.298.333.509.220

175
- TỶ HỮU
A Π
VII
Đ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.417.386.534.286	2.356.396.520.318
310	I. Nợ ngắn hạn		2.223.044.829.605	2.016.589.757.539
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	232.710.325.579	251.705.736.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	111.452.425.496	109.093.726.239
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	30.396.083.656	28.412.260.651
314	4. Phải trả người lao động		1.074.431.857	789.841.184
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	284.543.883.303	263.161.937.404
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	1.869.764.507	64.727.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	387.831.674.249	326.208.770.108
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	1.170.451.355.766	1.034.220.822.518
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.714.885.192	2.931.935.192
330	II. Nợ dài hạn		194.341.704.681	339.806.762.779
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.20b	90.000.000	90.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	194.251.704.681	339.716.762.779
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.997.999.577.259	1.941.936.988.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.997.999.577.259	1.941.936.988.902
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.051.804.968.028)	(1.107.867.556.385)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(1.107.867.556.385)	(64.896.181.926)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		56.062.588.357	(1.042.971.374.459)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.415.386.111.545	4.298.333.509.220

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiểm phụ trách kế toán


ĐỖ THÀNH NHÂN

Tăng Giám đốc



TRẦN CAO CHÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Báo cáo kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	69.183.540.504	114.170.765.282
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.183.540.504	114.170.765.282
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	71.318.027.091	127.389.746.493
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.134.486.587)	(13.218.981.211)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	99.576.506.939	76.431.955.233
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	104.788.885.258	148.734.024.355
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		86.499.444.382	92.583.333.127
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	87.588.022	133.753.268
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	(69.025.002.583)	166.853.147.321
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.590.549.655	(252.507.950.922)
31	11. Thu nhập khác		10.494.162	26.765.000
32	12. Chi phí khác	VI.7	5.538.455.460	7.810.550.110
40	13. Lợi nhuận khác		(5.527.961.298)	(7.783.785.110)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.062.588.357	(260.291.736.032)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		56.062.588.357	(260.291.736.032)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8		

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán


ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		56.062.588.357	(260.291.736.032)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(58.950.098.957)	258.316.957.429
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.10,	11.459.274.341	13.589.513.124
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.13	(60.352.543.143)	226.349.253.234
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	3.020.232.402	2.013.063.615
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(99.576.506.939)	(76.218.205.671)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	86.499.444.382	92.583.333.127
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.887.510.600)	(1.974.778.603)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.645.891.155	154.905.211.722
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		14.866.366.165	(39.914.886.339)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(13.378.231.782)	(126.455.896.979)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.14	29.573.983	259.146.963
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.320.293.780)	(1.095.956.855)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(217.050.000)	(11.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.738.745.141	(14.288.360.091)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.247.212.607)	(190.763.992)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	8.382.109.232
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(56.445.450.000)	(885.702.578.236)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.682.528.625	809.462.981.690
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(214.150.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.927.633.075	90.446.078.156
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.082.500.907)	22.183.676.850
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	9.101.600.000	92.287.002.018
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(18.595.454.852)	(88.061.783.314)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.493.854.852)	4.225.218.704
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		162.389.382	12.120.535.463
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	5.609.663.982	13.534.697.168
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.123)	8.019
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	5.772.033.241	25.655.240.650

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Người lập biểu

Trưởng phòng TC – KT
kiểm phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ TINH TÚ



ĐO THÀNH NHÂN



CAO CHÂU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và urom giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su, Chi tiết: Gia công cao su mù cốm;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Mua bán cao su mũ côm; - Mua bán phân bón. - Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường - Bán buôn bê tông xi măng;
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay - Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phù công nghiệp - Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động quản lý quỹ, Chi tiết: Quản lý quỹ chung;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Sản xuất linh kiện điện tử, Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mũ cao su); Bán buôn trâu, bò;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê, chè, hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu trong kỳ của Công ty giảm so với kỳ trước là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) dẫn đến số lượng tiêu-thụ hàng hóa, sản phẩm bị giảm và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước đã thu hồi trong kỳ này, dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các chi nhánh trực thuộc (trong đó: 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 đơn vị hạch toán báo số)

Tên các chi nhánh

- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai

312
:ON
INHE
OAN
UAI
TP. 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Tp. Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100,00%	100,00%	85,00%	85,00%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, Phường Nghĩa Trung, Tp. Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
4.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Thôn 2, Xã Tân Lâm, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%	88,00%
5.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
6.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%	84,03%
7.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trồng cây cà phê, mua bán và sản xuất các sản phẩm cà phê	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
8.	Công ty CP Chè Biên Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng cây cà phê, mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

75 / TY HỮU ÍT VIỆT NAM

Các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
			xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.						
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát-sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A.Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 67 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 91 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bền phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao căn cứ theo Giấy chứng quyền sử dụng đất của Công ty ước tính là 39,5 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (gỗ, phân bón, đá...), thành phẩm (sản phẩm từ gỗ)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây lắp

Doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.014 VNĐ/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.027 VNĐ/USD

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 2,23 VNĐ/LAK.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 2,68 VNĐ/LAK

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế-thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.536.266.217	4.364.863.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.767.024	1.244.800.713
Cộng	5.772.033.241	5.609.663.982

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1, có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	27.200.803.847	24.868.233.270
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	15.515.341.515	14.173.459.602
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	6.145.951.000	5.641.773.636
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	4.420.961.332	3.989.450.032
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	791.250.000	736.250.000
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai	327.300.000	327.300.000
Phải thu các khách hàng khác	407.146.238.410	414.664.312.247
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	141.607.229.427	128.167.854.667
- Tập Đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPT MTV Lào	112.276.913.942	115.297.817.456
- Các khách hàng khác	153.262.095.041	171.198.640.124
Cộng	434.347.042.257	439.532.545.517

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	100.000.000	17.044.649.778
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
- Shine Profit Development Limited	-	16.944.649.778
Trả trước cho các người bán khác	56.401.831.139	54.653.491.501
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	15.204.370.000
- Công Ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.871.994.383	7.543.234.071
- Các người bán khác	33.325.466.756	31.905.887.430
Cộng	56.501.831.139	71.698.141.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	109.506.144.569	86.922.844.569
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽¹⁾	88.206.044.569	86.922.844.569
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	1.400.100.000	-
- Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai	19.900.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	688.600.540.002	458.991.068.627
- Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Vạn Gia Long ⁽²⁾	110.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽³⁾	100.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽⁴⁾	88.948.555.500	80.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên ⁽⁵⁾	77.883.397.750	80.820.181.875
- Công ty TNHH Sx - TM - DV Đồng Phú Hưng ⁽⁶⁾	70.000.000.000	30.000.000.000
- Các đối tượng khác ⁽⁷⁾	241.768.586.752	148.170.886.752
Phải thu về cho mượn ngắn hạn các bên khác	5.347.373.447	4.466.373.447
- Công ty CP ĐT & PT Năng Lượng sạch Tây Nguyên	1.347.373.447	466.373.447
- Các đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng ^(*)	803.454.058.018	550.380.286.643

⁽¹⁾ Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 01-03/2018/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng vay vốn số 08A/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/09/2019, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng.

⁽⁴⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽⁵⁾ Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên vay theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 08A/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 05/07/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 04/PLHD ngày 10/01/2021, thời hạn 12 tháng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 130.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 14/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 31/12/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-14/2019/HĐVV-ĐLGL/PLHD ngày 10/01/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hạn mức cho vay 30.489.397.260 đồng, lãi suất 10,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(6) Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 05/06/2019, thời hạn 36 tháng, lãi suất 7%/năm, hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng.

(7) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	193.807.895.000	213.807.895.000
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL ⁽⁸⁾	193.807.895.000	213.807.895.000
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	944.211.064.996	1.151.521.914.996
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽⁹⁾	250.000.000.000	270.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽¹⁰⁾	203.162.805.400	251.773.655.400
- Huỳnh Quốc Bình ⁽¹¹⁾	131.525.959.082	181.525.959.082
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát ⁽¹²⁾	150.005.600.000	170.005.600.000
- Vũ Văn Tin ⁽¹³⁾	107.550.000.000	91.250.000.000
- Các đối tượng khác ⁽¹⁴⁾	101.966.700.514	186.966.700.514
Cộng (*)	1.138.018.959.996	1.365.329.809.996

(8) Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-ĐLGL ngày 10/09/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-01/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 757.895.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 09/12/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 213.050.000.000 đồng.

(9) Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

(10) Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng.

(11) Huỳnh Quốc Bình theo Hợp đồng vay vốn số 05/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 20/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-05/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2021, thời hạn 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 11,8%/năm, hạn mức cho vay là 190.000.000.000 đồng.

(12) Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát theo Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay là 250.000.000.000 đồng.

(13) Vũ Văn Tin theo Hợp đồng vay vốn số 04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 18/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 04/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 11,8%/năm, hạn mức cho vay 210.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(14) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

(*) Tổng các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 1.941.473.018.014 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	69.699.354.807	53.542.189.192
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	24.931.007.623	24.931.007.623
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	8.905.635.739	4.303.494.125
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL	35.862.711.445	24.307.687.444
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	235.142.002.137	173.934.583.922
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	35.802.869.524	33.072.602.740
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	44.029.000.844	32.593.537.708
- Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Vạn Gia Long	16.406.297.359	11.407.722.017
- Phải thu lãi cho vay	118.578.876.487	77.251.473.500
- Tạm ứng cho nhân viên	3.031.114.866	2.315.404.900
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	131.137.800	131.137.800
- Phải thu khác	17.162.705.257	17.162.705.257
Cộng	304.841.356.944	227.476.773.114

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	1.268.670.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	1.268.670.000
Cộng	1.268.670.000	1.268.670.000

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(356.187.585.692)	(89.867.059.844)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.165.215.745)	(158.618.037.798)
Hoàn nhập dự phòng	76.902.873.789	-
Số cuối kỳ	(280.449.927.648)	(248.485.097.642)

303/ CẾ
ICH N
W TO
HU
- 78

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Phải thu khách hàng quá hạn	187.631.137.749	28.573.584.653	(159.057.553.096)	210.930.671.882	38.647.032.384	(172.283.639.498)
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	54.360.244.051	14.119.582.263	(40.240.661.788)	117.219.115.817	55.536.523.463	(61.682.592.354)
- Phải thu khác quá hạn	54.523.436.206	30.288.917.987	(24.234.518.219)	141.864.851.113	75.897.583.818	(65.967.267.295)
- Trả trước cho người bán quá hạn	51.508.551.270	12.591.356.725	(38.917.194.545)	51.508.551.270	13.254.464.725	(38.254.086.545)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)
Cộng	398.023.369.276	117.573.441.628	(280.449.927.648)	571.523.190.082	215.335.604.390	(356.187.585.692)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	10.431.601.861	-	10.961.807.140	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.526.301.909	-	22.725.814.201	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	5.648.060.091	-	5.338.835.848	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	158.714.181.724	(115.906.427)	173.160.054.561	-
Cộng	197.320.145.585	(115.906.427)	212.186.511.750	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ.⁽²⁾ Thành phẩm cuối kỳ chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ.⁽³⁾ Hàng hoá cuối kỳ chủ yếu là đá và gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	248.171.306.394	11.172.554.390	14.595.666.484	714.949.109	175.885.082.455	2.262.805.303	452.802.364.135
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	248.171.306.394	11.172.554.390	14.595.666.484	714.949.109	175.885.082.455	2.262.805.303	452.802.364.135
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	5.913.910.297	5.488.427.117	11.788.331.938	143.949.109	-	320.000.000	23.654.618.461
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	36.308.448.609	9.057.140.131	13.415.395.543	374.170.807	17.858.721.224	1.103.713.617	78.117.589.931
Tăng trong kỳ	3.844.870.111	229.742.736	140.369.886	85.863.634	4.397.501.976	97.964.202	8.796.312.545
- Khấu hao trong kỳ	3.844.870.111	229.742.736	140.369.886	85.863.634	4.397.501.976	97.964.202	8.796.312.545
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	40.153.318.720	9.286.882.867	13.555.765.429	460.034.441	22.256.223.200	1.201.677.819	86.913.902.476
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	211.862.857.785	2.115.414.259	1.180.270.941	340.778.302	158.026.361.231	1.159.091.686	374.684.774.204
Số cuối kỳ	208.017.987.674	1.885.671.523	1.039.901.055	254.914.668	153.628.859.255	1.061.127.484	365.888.461.659

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 355.191.035.073 (xem tại thuyết minh V.21).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
-Số đầu năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
-Tăng trong kỳ	-	-	-
-Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	317.684.000	399.336.795
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	81.652.795	256.340.000	337.992.795
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	81.652.795	304.209.069	385.861.864
- Khấu hao trong kỳ	-	4.381.716	4.381.716
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	308.590.785	390.243.580
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	13.474.931	13.474.931
Số cuối kỳ	-	9.093.215	9.093.215

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
-Số đầu năm	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
-Tăng trong kỳ	-	-	-
-Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		4.436.048.989	4.436.048.989
Giá trị hao mòn			
-Số đầu năm	479.788.340	44.254.966.593	44.734.754.933
-Khấu hao trong kỳ	159.221.988	2.499.358.092	2.658.580.080
Số cuối kỳ	639.010.328	46.754.324.685	47.393.335.013
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.161.748.795	101.105.608.078	122.267.356.873
Số cuối kỳ	21.002.526.807	98.606.249.986	119.608.776.793

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 107.669.249.986 đồng (xem tại thuyết minh V.21)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 9.063.000.000 đồng, diện tích 6.360 m², thời hạn sử dụng: lâu dài. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (xem tại thuyết minh V.21b).

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 12.578.537.135 đồng, diện tích 9.014 m², thời hạn sử dụng đến 16/2/2059. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	23.653.573.473	147.212.607	-	23.800.786.080
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku ⁽¹⁾	21.898.087.080	147.212.607	-	22.045.299.687
- Dự án điện gió la Blu 1 - Chư Puh ⁽²⁾	1.272.727.272	-	-	1.272.727.272
- Dự án cao su mới la Blu ⁽²⁾	278.175.000	-	-	278.175.000
- Dự án nhà máy linh kiện điện tử Phía Nam Đà Nẵng ⁽³⁾	204.584.121	-	-	204.584.121
Cộng	23.653.573.473	147.212.607	-	23.800.786.080

⁽¹⁾ Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/2019/HĐHTĐT ngày 15/7/2019 giữa Công ty và vợ chồng ông Bùi Pháp - bà Nguyễn Thị Hương. Trong đó, vợ chồng ông Bùi Pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất và một số tài sản trên đất tại 95-97-99 Đường Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku. Công ty góp vốn, kỹ thuật để đầu tư xây dựng Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai. Thời hạn hợp tác đầu tư: từ ngày ký hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

đồng cho đến khi hết thời hạn hoạt động của Giấy phép được cấp. Sau khi công trình hoàn thành, các bên sẽ quyết toán giá trị Dự án bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng, làm cơ sở cho việc xác định giá trị vốn góp của mỗi bên vào Dự án và phân chia kết quả kinh doanh.

⁽²⁾ UBND tỉnh Gia Lai đã có Văn bản số 13/UBND-NL ngày 03/01/2020 thống nhất chủ trương việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai khảo sát, nghiên cứu đề xuất quy hoạch Dự án điện gió la Blừ 1- Chư Puh trên diện tích đất rừng nghèo đã được UBND tỉnh Gia Lai cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai thuê để thực hiện Dự án trồng cây cao su nhưng hiện nay cao su bị chết và kém phát triển tại xã Ia Blừ, huyện Chư Puh. Hiện Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2020/IABLU/DUCLONG-VATEC ngày 25/5/2020 với Công ty TNHH Kỹ thuật Ứng dụng Việt Nam về việc thiết kế, cung cấp thiết bị, xây dựng - lắp đặt và vận hành trụ đo gió tại xã Ia Blừ, huyện Chư Puh.

⁽³⁾ Công ty đã ký Hợp đồng tư vấn khảo sát đo đạc địa hình, lập quy hoạch chi tiết 1/500 Bến xe Phía Nam Đà Nẵng và Nhà máy lắp ráp điện tử và cắm mốc ranh giới quy hoạch số 07/2017/HĐTV ngày 10/3/2017 với Công ty Cổ phần Xây dựng C.W.S. Ngày 12/7/2017, Công ty đã trình Tờ trình số 25/TTr-ĐLGL đến UBND thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt Tổng mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Bến xe liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng. Tại Quyết định số 4986/QĐ-UBND ngày 07/09/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt Tổng mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Bến xe liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng, điều chỉnh theo hướng cắt giảm một phần diện tích Bến xe để xây dựng Nhà máy lắp ráp điện tử. Hiện Công ty vẫn đang lập hồ sơ quy hoạch trình Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiếp tục thực hiện.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽²⁾	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	1.585.761.700.600	1.184.280.307.094	(401.481.393.506)	1.585.761.700.600	1.199.549.515.568	(386.212.185.032)
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng ⁽¹⁾	1.979.700.000	901.806.720	(1.077.893.280)	1.979.700.000	786.689.462	(1.193.010.538)
- Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông ⁽²⁾	176.500.000.000	176.500.000.000	-	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai ⁽³⁾	149.800.000.000	23.841.935.882	(125.958.064.118)	149.800.000.000	30.495.816.682	(119.304.183.318)
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thương ⁽⁴⁾	136.400.000.000	93.201.751.925	(43.198.248.075)	136.400.000.000	106.746.212.378	(29.653.787.622)
- Công ty Mass Noble Investment Limited ⁽⁵⁾	249.157.612.500	249.157.612.500	-	249.157.612.500	249.157.612.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL ⁽⁶⁾	505.000.000.000	428.375.152.695	(76.624.847.305)	505.000.000.000	424.525.930.244	(80.474.069.756)
- Công ty CP Cà phê Gia Lai ⁽⁷⁾	83.082.534.300	49.861.067.102	(33.221.467.198)	83.082.534.300	54.704.300.924	(28.378.233.376)
- Công ty CP Chè Biên Hồ ⁽⁸⁾	55.141.853.800	52.791.159.228	(2.350.694.572)	55.141.853.800	55.141.853.800	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL ⁽⁹⁾	228.700.000.000	109.649.821.042	(119.050.178.958)	228.700.000.000	101.491.099.578	(127.208.900.422)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ⁽¹⁰⁾	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP Đức Long	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Tây Nguyên ⁽¹¹⁾						
- Công ty CP DLG CY, Việt Nam ⁽¹²⁾	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽¹³⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Cộng	1.595.142.466.600	1.193.181.073.094	(401.961.393.506)	1.595.142.466.600	1.208.450.281.568	(386.692.185.032)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2021 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.979.700.000 đồng, tương ứng nắm giữ 2,64% vốn điều lệ của Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (số đầu năm là 1.979.700.000 đồng, tương ứng 2,64% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng là 72.520.300.000 đồng. Ngày 29/12/2018, theo Quyết định số 65/QĐ-HDQT-ĐLGL về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đức Long Đà Nẵng (nay là Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng) cho Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng. Cho đến hiện tại, việc chuyển nhượng chưa hoàn thành do Công ty đang hoàn thiện một số thủ tục pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất tại bến xe.

(2) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 176.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 70,60% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông (số đầu năm là 176.500.000.000 đồng, tương ứng 70,60% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 149.800.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 73,50% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (số đầu năm là 149.800.000.000 đồng, tương ứng 73,50% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 136.400.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 88,00% vốn điều lệ của Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng (số đầu năm là 136.400.000.000 đồng, tương ứng 88,00% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 249.157.612.500 đồng, tương ứng nắm giữ 97,73% vốn điều lệ của Công ty Mass Noble Investment Limited (số đầu năm là 249.157.612.500 đồng, tương ứng 97,73% vốn điều lệ).

(6) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 505.000.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 84,03% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL (số đầu năm là 505.000.000.000 đồng, tương ứng 84,03% vốn điều lệ).

(7) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 83.082.534.300 đồng, tương ứng nắm giữ 51,00% vốn điều lệ của Công ty CP Cà phê Gia Lai (số đầu năm là 83.082.534.300 đồng, tương ứng 51,00% vốn điều lệ).

(8) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 55.141.853.800 đồng, tương ứng nắm giữ 51,00% vốn điều lệ của Công ty CP Chè Biển Hồ (số đầu năm là 55.141.853.800 đồng, tương ứng 51,00% vốn điều lệ).

(9) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 93,35% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL (số đầu năm là 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng 93,35% vốn điều lệ).

(10) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).

312
ĐƠN
NHỊ
CÁNH
UẢ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(11) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900782239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2011, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên là 6.000.000.000 đồng tương ứng năm giữa 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP Đức Long Tây Nguyên. Đến ngày 30/06/2021, Công ty CP Đức Long Tây Nguyên chưa đi vào hoạt động kinh doanh và Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định.

(12) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314483661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP DLG CY Việt Nam là 912.000.000 đồng tương ứng năm giữa 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP DLG CY Việt Nam. Đến ngày 30/06/2021, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định và Công ty CP DLG CY Việt Nam hiện đang hoạt động kinh doanh.

(13) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê đất	1.936.735.380	1.961.567.972
- Công cụ, dụng cụ	2.922.219	7.663.610
Cộng (*)	<u>1.939.657.599</u>	<u>1.969.231.582</u>

(*) *Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	1.969.231.582	2.408.986.829
Phát sinh trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	(29.573.983)	(259.146.963)
Cộng	<u>1.939.657.599</u>	<u>2.149.839.866</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	<u>14.978.913.958</u>	<u>46.039.383.927</u>
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	14.755.222.807	45.545.383.927
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	494.000.000
- Shine Profit Development Limited	223.691.151	-
Phải trả cho các người bán khác	<u>217.955.102.772</u>	<u>159.626.969.116</u>
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
- Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên	50.332.109.789	36.950.655.289
- Công ty CP Lilama 45.3	31.426.511.438	31.426.511.438
- Các người bán khác	84.645.382.428	39.922.394.423
Cộng	<u>232.710.325.579</u>	<u>251.705.736.970</u>

176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả tiền trước của các bên liên quan	50.314.491.800	48.389.691.800
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	34.839.674.670	34.839.674.670
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	14.019.817.130	12.219.817.130
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	455.000.000	330.200.000
Trả tiền trước của các người mua khác	61.137.933.696	60.704.034.439
- Công ty CP Vận tải và Quản Lý Bến Xe Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Ba Đình	12.180.800.000	12.180.800.000
- Các người mua khác	21.457.133.696	21.023.234.439
Cộng	111.452.425.496	109.093.726.239

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	3.119.603.985	-	1.257.929.908	(107.243.719)	4.270.290.174	-
- Thuế TNDN	16.786.759.339	-	-	-	16.786.759.339	-
- Thuế TNCN	2.926.791	-	8.176.366	(9.526.944)	1.576.213	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.540.649.383	-	268.998.426	(508.601.677)	3.301.046.132	-
- Thuế tài nguyên	1.857.240	-	-	(1.857.240)	-	-
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	4.960.463.913	-	1.083.239.737	(7.291.852)	6.036.411.798	-
Cộng	28.412.260.651	-	2.618.344.437	(634.521.432)	30.396.083.656	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.062.588.357	(260.291.736.032)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.708.001.382	236.698.024.108
+ <i>Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền và nợ phải thu</i>	3.020.232.402	2.013.063.615
+ <i>Chi phí chậm nộp</i>	1.107.002.561	1.070.440.112
+ <i>Chi phí lãi vay loại trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP</i>	-	16.295.611.500
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	5.580.766.419	217.318.908.881
- Các khoản điều chỉnh giảm	77.407.902.805	225.035.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	505.029.016	225.035.000
+ <i>Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	76.902.873.789	-
Thu nhập chịu thuế	(11.637.313.066)	(23.818.746.924)
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	-	-

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công trình xây lắp	96.021.066.673	96.021.066.673
- Chi phí lãi vay	188.522.816.630	167.140.870.731
Cộng	284.543.883.303	263.161.937.404

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Doanh thu cho thuê tài sản, mặt bằng	1.869.764.507	64.727.273
Cộng	1.869.764.507	64.727.273

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

20. Phải trả khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	18.782.017.352	18.551.642.896
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai	11.241.723.307	10.198.757.884
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông	1.477.614.957	498.645.039
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía nam Thành phố Đà Nẵng	537.931.185	438.911.543
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	506.248.970	277.755.913
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	3.024.123.432	2.124.172.535
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	456.441.695
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	1.994.375.501	4.000.000.000
- Công ty CP Năng lượng Tân Thượng	-	556.958.287
Phải trả cho các đối tượng khác	369.049.656.897	307.657.127.212
- Chi phí lãi vay	366.949.790.180	305.548.894.793
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Bảo hiểm	444.852.004	447.041.552
- Phải trả khác	211.156.263	217.332.417
Cộng	387.831.674.249	326.208.770.108

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	90.000.000	90.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	71.822.703.228	71.822.703.228	75.670.143.236	75.670.143.236
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ⁽¹⁾	32.452.041.492	32.452.041.492	32.452.041.492	32.452.041.492
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai ⁽²⁾	20.057.027.370	20.057.027.370	20.057.027.370	20.057.027.370
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL ⁽³⁾	19.313.634.366	19.313.634.366	19.152.634.366	19.152.634.366
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	-	4.008.440.008	4.008.440.008
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	198.859.875.530	198.859.875.530	198.859.875.530	198.859.875.530
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai ⁽⁴⁾	176.254.815.400	176.254.815.400	176.254.815.400	176.254.815.400
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai ⁽⁵⁾	22.605.060.130	22.605.060.130	22.605.060.130	22.605.060.130
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
- Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú I	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	518.002.055.852	518.002.055.852	372.277.667.752	372.277.667.752
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP.HCM ⁽⁶⁾	198.293.066.129	198.293.066.129	198.293.066.129	198.293.066.129
- Trịnh Đình Trường ⁽⁷⁾	138.224.388.100	138.224.388.100	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	101.689.858.000	101.689.858.000	94.189.858.000	94.189.858.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	42.500.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	30.729.899.200	30.729.899.200	30.729.899.200	30.729.899.200
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai ⁽⁸⁾	6.564.844.423	6.564.844.423	6.564.844.423	6.564.844.423
Trái phiếu phát hành đến hạn trả ⁽⁹⁾	380.116.721.156	380.116.721.156	385.763.136.000	385.763.136.000
Cộng	1.170.451.355.766	1.170.451.355.766	1.034.220.822.518	1.034.220.822.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- (1) Là khoản vay ngắn hạn của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông theo Hợp đồng hỗ trợ vốn lưu động số 03/HĐ-HTV/2020 ngày 31/12/2020. Số tiền vay là 82.000.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất là 6%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp.
- (2) Là khoản vay ngắn hạn của Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 01/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 05/PL-HĐVV ngày 01/02/2020. Số tiền vay là 20.057.027.370 đồng, thời hạn thanh toán nợ gốc là ngày 31/7/2021, lãi suất là 10,4%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp.
- (3) Là khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai theo Hợp đồng vay vốn số 01/2018/ĐĐNDL ngày 01/07/2018 và Phụ lục số 03-01/2018/ĐĐNDL ký ngày 01/01/2021, số tiền vay là 35.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán nợ gốc là ngày 31/12/2021, lãi suất là 9,45%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp.
- (4) Là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HĐTD ngày 11/10/2017 với thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/8/2018, hạn mức cho vay là 400.000.000.000 đồng. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được thế chấp bằng các máy móc, thiết bị chế biến gỗ Công ty (xem tại thuyết minh V.9).
- (5) Là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT500-DUCLONG ngày 02/1/2018 với thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2018, hạn mức cho vay là 42.248.000.000 đồng. Lãi suất vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và đá Granit. Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp và Bà Nguyễn Thị Hương và một số phương tiện vận tải khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).
- (6) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5ha tại xã IaBlứ, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/6/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016. Khoản vay này được thế chấp chính bằng tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).
- (7) Là khoản tiền vay của Ông Trịnh Đình Trường theo Hợp đồng mượn tiền số 08/2018 ngày 15/7/2018, số tiền mượn là 138.224.388.100 đồng, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 0%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vay tín chấp.
- (8) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai theo Hợp đồng vay vốn số 05/HĐV/BDS/2020 ngày 01/01/2020, hạn mức cho vay là 6.600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất là 7%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp.
- (9) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các Hợp đồng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014 giữa Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (Bên đặt mua trái phiếu). Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh tại V.9, V.11).

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017 giữa Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (Bên đặt mua trái phiếu) (xem thuyết minh tại V.21b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ/ chuyển từ vay dài hạn sang			
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ/ chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngắn hạn ngân hàng	281.094.863.189	9.101.600.000	(12.949.040.008)	277.247.423.181
- Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	365.712.823.329	145.724.388.100	-	511.437.211.429
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	385.763.136.000	-	(5.646.414.844)	380.116.721.156
Cộng	1.034.220.822.518	154.825.988.100	(18.595.454.852)	1.170.451.355.766

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	81.027.238.000	81.027.238.000	226.751.626.100	226.751.626.100
- Trịnh Đình Trường	-	-	138.224.388.100	138.224.388.100
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai ⁽¹⁾	50.800.000.000	50.800.000.000	58.300.000.000	58.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai ⁽²⁾	24.444.238.000	24.444.238.000	24.444.238.000	24.444.238.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai ⁽³⁾	5.783.000.000	5.783.000.000	5.783.000.000	5.783.000.000
Trái phiếu thường ⁽⁴⁾	113.224.466.681	113.224.466.681	112.965.136.679	112.965.136.679
Cộng	194.251.704.681	194.251.704.681	339.716.762.779	339.716.762.779

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/5/2008, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng. Lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho Dự án Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/1/2012. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng. Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho Dự án trồng 744ha cao su trong tổng diện tích 948,5ha cao su tại xã IaBlư, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai. Khoản vay này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng. Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Mục đích sử dụng tiền vay là để cơ cấu lại tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng. Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư Dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, huyện Iapa, tỉnh Gia Lai. Khoản vay này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành trong tương lai, hiện đã hoàn thành và là bất động sản đầu tư của Công ty (xem thuyết minh tại V.11).

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên (ngày 30/1/2011 là ngày giải ngân món vay đầu tiên), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho Dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014 thì thời hạn cho vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/6/2015. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuê, tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay của Công ty, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho Dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay của Công ty, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh tại V.9).

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/7/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2014. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm. Hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (lãi suất thả nổi = lãi suất cơ sở + biên độ 4%/năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách liên tỉnh phía Nam TP. Đà Nẵng. Khoản vay này được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định và bất động sản của Công ty (xem thuyết minh tại V.11).

(4) Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017 giữa Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (Bên đặt mua trái phiếu). Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp và Bà Nguyễn Thị Hương và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh tại V.9, V.11).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ/ chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
- Vay dài hạn ngân hàng, cá nhân	226.751.626.100	-	(145.724.388.100)	81.027.238.000
- Trái phiếu thường	112.965.136.679	259.330.002.	-	113.224.466.681
Cộng	339.716.762.779	259.330.002	(145.724.388.100)	194.251.704.681

Chi tiết số phát sinh về trái phiếu thường trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát hành trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Lãi suất
Trái phiếu thường phát hành					
- Kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	-	-	366.000.000.000	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Kỳ hạn 5 năm	132.353.772.679	259.330.002	(5.646.414.844)	126.966.687.837	10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	498.728.272.679	259.330.002	(5.646.414.844)	493.341.187.837	

22. Vốn chủ sở hữu**22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 01**.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

22.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. Tài khoản ngoài bảng**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	1.305,43	1.363,79

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	2.777.956.695	2.777.956.695
Cộng	3.948.050.164	3.948.050.164

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	3.036.652.860	2.243.356.835
- Doanh thu bán phân bón	22.154.185.000	49.210.300.000
- Doanh thu bán đá	41.577.894.600	57.956.360.000
- Doanh thu cho thuê tài sản	2.137.374.513	4.226.219.054
- Doanh thu khác	277.433.531	534.529.393
Cộng	69.183.540.504	114.170.765.282

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	3.417.421.460	2.919.642.745
- Giá vốn bán phân bón	22.090.980.500	48.556.971.177
- Giá vốn bán đá	41.528.793.637	57.794.989.087
- Giá vốn cho thuê tài sản	3.019.444.274	3.137.965.858
- Giá vốn khác	1.145.480.793	1.386.589.803
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	115.906.427	13.593.587.823
Cộng	71.318.027.091	127.389.746.493

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	99.071.477.923	75.993.170.671
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	505.029.016	225.035.000
- Khác	-	213.749.562
Cộng	99.576.506.939	76.431.955.233

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	60.020.577.119	65.613.253.125
- Lãi trái phiếu	26.219.537.261	26.710.750.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.020.232.402	2.013.063.615
- Dự phòng(+)/ Hoàn nhập dự phòng(-) giảm giá đầu tư tài chính	15.269.208.474	54.137.627.613
- Phí phát hành trái phiếu	259.330.002	259.330.002
Cộng	104.788.885.258	148.734.024.355

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	37.670.941	32.430.655
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.960.000	36.960.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.957.081	64.362.613
Cộng	87.588.022	133.753.268

281
NG
ỆM
VÀ
N
HỒ

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	1.879.664.041	2.488.106.855
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.941.971.426	2.801.279.312
- Dự phòng(+) / Hoàn nhập(-) khoản phải thu quá hạn khó đòi	(75.737.658.044)	158.618.037.798
- Chi phí dịch vụ bằng tiền khác	1.891.019.994	2.945.723.356
Cộng	(69.025.002.583)	166.853.147.321

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí phạt vi phạm và phạt chậm nộp	1.107.002.561	1.070.440.112
- Chi phí khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng	4.424.308.861	6.462.724.140
- Chi phí khác	7.120.684	277.385.858
Cộng	5.538.455.460	7.810.550.110

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.594.270.392	957.774.289
- Chi phí nhân công	3.542.146.116	4.117.039.764
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.034.965.480	7.111.687.770
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.821.457.474	4.210.072.590
- Chi phí bằng tiền khác	753.336.803	453.922.078
Cộng	18.746.176.265	16.850.496.491

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	213.739.317	199.307.692
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	155.470.086	177.458.120
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	117.118.946	116.732.905
Cộng		486.328.349	493.498.717

Trong kỳ, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

STT	Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	Công ty con
2.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Công ty con
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Công ty con
4.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Công ty con
5.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Công ty con
6.	Công ty Mass Noble Investment Limited	Công ty con
7.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	Công ty con
8.	Công ty CP Chè Biển Hồ	Công ty con
9.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty con
10.	Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
11.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
12.	Công ty Shine Profit Development Limited	Công ty con của Công ty Mass Noble Investment Limited
13.	Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung chủ tịch HĐQT
14.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo điều hành
15.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
16.	Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven
17.	Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai	Chung thành viên quản lý
18.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
19.	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản DLGL

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi vay phải trả	228.493.057	-

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng DLGL

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi vay phải trả	899.950.897	-
Đi vay	861.000.000	402.172.595
Trả tiền vay	700.000.000	5.432.536.010

Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi vay phải trả	978.969.918	898.109.031

Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi vay phải trả	1.042.965.423	-

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	768.000.000	768.000.000
Chi phí thuê tài sản	218.181.819	152.727.272
Lãi vay phải trả	306.893.798	131.235.824
Đi vay	8.240.600.000	1.230.400.000
Trả tiền vay	12.249.040.008	-

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	1.073.582.688	1.073.582.688

Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	50.000.000	-

Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty mua hàng	19.901.380.800	60.293.792.000
Lãi cho vay	4.602.141.614	3.264.504.652
Cho vay	1.283.200.000	-

Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cho vay	1.400.100.000	-

Công ty CP Chè Biển Hồ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức nhận được	279.993.016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.035.000

Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi cho vay	11.555.024.001	4.209.424.854

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16, V.20, V.21.

3c Bảo đảm cá nhân cho vay

Trong kỳ, ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT Công ty) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

3d Bảo đảm bên liên quan cho vay

Trong kỳ, Công ty CP ĐT và PT Điện Năng Đức Long Gia Lai; Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai; Công ty TNHH Đức Long Dung Quất và Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: sản phẩm từ gỗ.
- Hàng hóa: Phân bón, đá
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• Kỳ này

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.036.652.860	22.154.185.000	41.577.894.600	2.137.374.513	277.433.531	69.183.540.504
Giá vốn hàng bán	3.533.327.887	22.090.980.500	41.528.793.637	3.019.444.274	1.145.480.793	71.318.027.091
Lợi nhuận gộp	(496.675.027)	63.204.500	49.100.963	(882.069.761)	(868.047.262)	(2.134.486.587)

• Kỳ trước

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.243.356.835	49.210.300.000	57.956.360.000	4.226.219.054	534.529.393	114.170.765.282
Giá vốn hàng bán	2.919.642.745	62.150.559.000	57.794.989.087	3.137.965.858	1.386.589.803	127.389.746.493
Lợi nhuận gộp	(676.285.910)	(12.940.259.000)	161.370.913	1.088.253.196	(852.060.410)	(13.218.981.211)

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty là chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

 331
 CỘ
 HNH
 TOÁ
 T/P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5. Số liệu so sánh

Số liệu cuối năm 2020 được trình bày lại trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 nguyên nhân do:

- Khoản thanh lý đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1 chưa đủ điều kiện ghi nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.
- Trình bày lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (công ty con) phù hợp theo quy định.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh		Số liệu sau điều chỉnh
		(1)	(2)	(3)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	454.532.545.517	(15.000.000.000)	439.532.545.517
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(338.187.585.692)	(18.000.000.000)	(356.187.585.692)
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	231	(394.063.125.368)	7.370.940.336	(386.692.185.032)
Cộng		(277.718.165.543)	24.370.940.336	(253.347.225.207)
Nguồn vốn				
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	92.093.726.239	17.000.000.000	109.093.726.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(70.483.327.189)	5.587.145.263	(64.896.181.926)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)
Cộng		(1.023.144.770.482)	24.370.940.336	(998.773.830.146)

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2021 dùng để thế chấp lần lượt là 355.191.035.073 đồng và 107.669.249.986 đồng (xem tại thuyết minh V.9, V.11).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 30/06/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.051.804.968.028) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 651.374.196.496 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.807.284.253.748 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, hiện tại Công ty đang xây dựng phương án cấu trúc toàn diện tình hình tài chính của Doanh nghiệp, đang lập kế hoạch và lộ trình thoái vốn các khoản đầu tư kém hiệu quả, quản lý, kiểm soát và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách chặt chẽ, tiết kiệm chi phí để đảm bảo Doanh thu và Lợi nhuận theo kế hoạch. Tập trung thu hồi các khoản công nợ để thực hiện thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn trên. Mặt khác, phối hợp với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ gốc, miễn giảm lãi. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành pháp lý của các Dự án Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện gió để tìm kiếm đối tác huy động vốn hoặc chuyển nhượng một phần dự án để tắt toán các khoản nợ quá hạn trong thời gian sắp đến chậm nhất đến ngày 31/12/2023. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

B17
G T
M H
V V
H O

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleikú, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

8. Các cam kết khác

Tình hình thực hiện cam kết góp vốn của Công ty vào các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty đầu tư như sau:

	Vốn điều lệ của các Công ty nhận đầu tư	Trong đó: Công ty cam kết góp		Vốn góp thực tế (theo mệnh giá) của Công ty đến ngày 30/06/2021	
		Tỷ lệ	Vốn cam kết góp	Vốn góp thiếu	
Đầu tư vào Công ty con	1.963.491.831.456		1.589.767.895.508	1.517.247.595.508	72.520.300.000
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	75.000.000.000	99,33%	74.500.000.000	1.979.700.000	72.520.300.000
- Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông	250.000.000.000	70,60%	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	203.810.000.000	73,50%	149.800.000.000	149.800.000.000	-
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	155.000.000.000	88,00%	136.400.000.000	136.400.000.000	-
- Công ty Mass Noble Investment Limited	320.062.401.456	97,73%	312.796.985.508	312.796.985.508	-
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	601.000.000.000	84,03%	505.000.000.000	505.000.000.000	-
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	146.763.000.000	51,00%	74.849.130.000	74.849.130.000	-
- Công ty CP Chè Biên Hồ	89.356.430.000	51,00%	45.571.780.000	45.571.780.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	122.500.000.000	93,35%	114.350.000.000	114.350.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.241.000.000		7.504.200.000	592.200.000	6.912.000.000
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.961.000.000	20,00%	592.200.000	592.200.000	-
- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	15.000.000.000	40,00%	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty CP DLG CY Việt Nam	2.280.000.000	40,00%	912.000.000	-	912.000.000
Đầu tư dài hạn khác	12.000.000.000		480.000.000	480.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	12.000.000.000	4,00%	480.000.000	480.000.000	-
Cộng	1.995.732.831.456		1.597.752.095.508	1.518.319.795.508	79.432.300.000

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Người lập biểu

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc






TRẦN THỊ TINH TÚ

ĐÒ THÀNH NHÂN

TRẦN CAO CHÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần -	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	4	5	6
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>					
1. Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(64.896.181.926)	2.984.908.363.361
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	(260.291.736.032)	(260.291.736.032)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	(260.291.736.032)	(260.291.736.032)
4. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(325.187.917.958)	2.724.616.627.329
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>					
5. Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.107.867.556.385)	1.941.936.988.902
6. Tăng trong kỳ	-	-	-	56.062.588.357	56.062.588.357
- Lãi trong kỳ	-	-	-	56.062.588.357	56.062.588.357
7. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
8. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.051.804.968.028)	1.997.999.577.259

Người lập biểu


TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC - KT


ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Tổng Giám đốc

**TRẦN CAO CHÂU**